TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **146**/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Đức D**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Phương H**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu G, xã B, huyện P, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hoàng Đức D và chị Trần Thị Phương H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Hoàng Đức D và chị Trần Thị Phương H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Mai Tuyết H1, sinh ngày 05/01/2006 và cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 24/10/2011.

Khi ly hôn anh D và chị H thống nhất thỏa thuận giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 24/10/2011 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Đối với cháu Hoàng Mai Tuyết H1 do hiện nay cháu H1 đã thành niên nên anh D và chị H đều không đề nghị Toà án giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Về tài sản chung: Anh Hoàng Đức D và chị Trần Thị Phương H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh Hoàng Đức D và chị Trần Thị Phương H đều không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Đức D tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001382 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho anh Doanh số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng